

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-9-2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2021 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lộc Thị Ng, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Ông Chu Văn Th, sinh năm 1990 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, địa chỉ: Xã M, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Bà Lộc Thị Ng và ông Chu Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ngày 07/12/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, ông Th thường xuyên chơi bời, không chăm lo vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Năm 2019, ông Th bị bắt đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân đến nay, cũng từ đó bà Ng và ông Th sống ly thân. Bà Ng xác định không còn tình cảm với ông Th, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Ng và ông Th có 02 người con chung là Chu Trịnh Y V, sinh ngày 23/3/2009; Chu Trịnh Thu T, sinh ngày 29/10/2015. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Chu Văn Th:*

Tại bản tự khai ngày 02/8/2022 ông Th trình bày: Ông Th và bà Ng kết hôn với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Trong quá chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, chỉ khi ông Th đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Tổng Lê Chân thì hai vợ chồng sống ly thân. Bà Ng đã không còn tình cảm nên làm đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án, nhưng ông Th không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Ng và ông Th có 02 người con chung là Chu Trịnh Y V, sinh ngày 23/3/2009; Chu Trịnh Thu T, sinh ngày 29/10/2015. Khi ly hôn, ông Th không yêu cầu gì về con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn cho bà Ng được ly hôn với ông Th; giao 02 người con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, do nguyên đơn bà Lộc Thị Ng thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Chu Văn Th có hội khẩu thường trú và nơi cư trú tại Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn bà Lộc Thị Ng và bị đơn ông Chu Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ng và ông Th.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lộc Thị Ng và ông Chu Văn Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 07/12/2009. Như vậy hôn nhân giữa bà Ng và ông Th là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Bà Ng có yêu cầu được ly hôn với lý do hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, vợ chồng ly thân, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà Ng được ly hôn với ông Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Bà Ng và ông Th có 02 người con chung là Chu Trịnh Y V, sinh ngày 23/3/2009; Chu Trịnh Thu T, sinh ngày 29/10/2015. Khi ly hôn bà Ng có yêu cầu được nuôi hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu

cháu V và cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ, ông Th hiện đang chấp hành án phạt tù nên không thể chăm sóc con chung. Xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của bà Ng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng và ông Th không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điểm b, khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lộc Thị Ng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lộc Thị Ng được ly hôn ông Chu Văn Th

Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông Th chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Chu Trịnh Y V, sinh ngày 23/3/2009; Chu Trịnh Thu T, sinh ngày 29/10/2015 cho bà Lộc Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu. .

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.4. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lộc Thị Ng phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006041 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Đăk O;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết